



怎 么 样

zěnmeyàng · chăm ma dạng · thế nào

zěn

丿 ㄣ 个 乍 乍 乍 怎 怎 怎

怎 怎 怎 怎

má

丿 么 么

么 么 么 么

yàng

一 丨 才 木 术 术 样 样 样 样

样 样 样 样